

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực**  
**phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều**

Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 183/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Nghị định số 183/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều mà không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

4. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Hợp tác xã;

c) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Thương mại;

d) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

---

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;"*

đ) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội;

e) Các đơn vị sự nghiệp;

g) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

h) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

5. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.

### **Điều 3. Hình thức xử phạt**

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

### **Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b)<sup>2</sup> Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác, gồm:

a) Buộc tiếp tục thực hiện hoạt động cứu trợ;

b) Buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai;

---

<sup>2</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

- c) Buộc trồng lại cây chắn sóng đã phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy;
- d) Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều;
- đ) Buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão.

### **Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- a) Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi là 01 năm;
- b) Đối với lĩnh vực đê điều là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

3. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 24; các khoản 7, 8, 9 Điều 27 của Nghị định này là hành vi vi phạm đang được thực hiện.

4. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 36 Nghị định này là hành vi vi phạm đã kết thúc. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai quy định tại Điều 16 của Nghị định này là hết ngày 31 tháng 12 hằng năm;

b) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm về đóng Quỹ phòng, chống thiên tai quy định tại Điều 17 Nghị định này xác định như sau:

Đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 là ngày hết thời hạn nộp Quỹ hoặc ngày hết thời hạn được tạm hoãn đóng Quỹ theo quy định tại Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 17 là ngày hết hạn nộp danh sách kế hoạch thu, nộp Quỹ theo văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều quy định tại Điều 36 Nghị định này là thời điểm kết thúc việc hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều.

5. Các hành vi vi phạm hành chính khác quy định tại Nghị định này trừ các hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này nếu không xác định được thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm thì được xác định là hành vi đang thực hiện.

## **Điều 6. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt**

1. Mức phạt tiền tối đa được quy định như sau:

- a) Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai là 50.000.000 đồng;
- b) Đối với lĩnh vực đê điều là 100.000.000 đồng;
- c) Đối với lĩnh vực thủy lợi là 250.000.000 đồng.

2.<sup>3</sup> Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ các hành vi quy định tại Điều 15, Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định này thì áp dụng đối với tổ chức.

3. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương V Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

5. Đối với hành vi khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 6 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 6 Điều 27, ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

6. Đối với hành vi lấn chiếm bãi sông, lòng sông, suối, kênh, rạch, bờ biển quy định tại khoản 1 Điều 11, ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

---

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

7. Đối với hành vi đổ chất thải quy định tại Điều 10, Điều 20, Điều 29 ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Điều 7.<sup>4</sup> (được bãi bỏ)**

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT,  
MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ  
TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

**Điều 8. Vi phạm về vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý vận hành hoặc cản trở sự vận hành của công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi neo đậu, dừng, đỗ không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai trừ trường hợp đã được quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai.

**Điều 9. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình phòng, chống thiên tai**

1.<sup>5</sup> Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng công trình xâm phạm công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ

<sup>4</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>5</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

quét, công trình cảnh báo thiên tai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích dưới 05 m<sup>2</sup>;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup>;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 20 m<sup>2</sup>;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 20 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup>;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 30 m<sup>2</sup> trở lên.

### 3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### 4.<sup>6</sup> Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## **Điều 10. Hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện vào công trình phòng, chống thiên tai**

1.<sup>7</sup> Phạt tiền đối với hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai như sau:

<sup>6</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thù lợi; đề điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>7</sup> Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thù lợi; đề điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

- a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 03 m<sup>3</sup>;
- b) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;
- c) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;
- d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 50 m<sup>3</sup>;
- đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m<sup>3</sup> đến dưới 200 m<sup>3</sup>;
- e) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>;
- g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 500 m<sup>3</sup> trở lên.

1a.<sup>8</sup> Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để phương tiện vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai.

## 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 11. Các hành vi vi phạm làm gia tăng rủi ro thiên tai**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi lấn chiếm bãi sông, lòng sông, suối, kênh, rạch, bờ biển làm gia tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai như sau:

- a) Từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục;
- b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác

---

<sup>8</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

khoáng sản gây sạt lở bờ sông, suối, kênh rạch, bờ biển.

### 3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

### 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

c)<sup>9</sup> Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 12. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trừ quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, sông, hồ, kênh, rạch, đầm, phá cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của người có thẩm quyền đối với chủ phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động trên biển, sông, hồ, kênh, rạch, đầm, phá.

## **Điều 13. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi biết người khác gặp nạn nhưng không thông tin kịp thời để lực lượng chức năng đến cứu nạn trên biển, đầm, phá, sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch.

---

<sup>9</sup> Điểm này được bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, đầm, phá, sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp không đủ điều kiện hoặc bất khả kháng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi yêu cầu cứu hộ, cứu nạn nhưng không hợp tác khi lực lượng cứu hộ, cứu nạn tiếp cận.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi báo nạn giả để yêu cầu cứu hộ đối với phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ.

#### **Điều 14. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố ý kê khai, báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ, cứu trợ không đúng đối tượng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiếp tục thực hiện hoạt động cứu trợ do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 15. Vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng, xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang công trình**

1.<sup>10</sup> Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu

---

<sup>10</sup> Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác như sau:

a) Không xây dựng, kiên toàn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị, thông tin liên lạc, bảo hộ đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai;

b) Không xây dựng và ban hành nội quy, quy chế hoạt động trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu di tích lịch sử; điểm du lịch và công trình phải đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống thiên tai;

c) Không cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố do thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng và tại khu vực lân cận có khả năng làm gia tăng rủi ro thiên tai;

d) Không thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình hạ tầng; kiểm soát các hoạt động sửa chữa, nâng cấp công trình và xây dựng, củng cố, mở rộng hạng mục công trình hạ tầng làm gia tăng rủi ro thiên tai và phát sinh thiên tai mới;

đ) Không kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng; khu vực lân cận có khả năng ảnh hưởng đến các khu khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình;

e) Khi phát hiện sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai vượt quá khả năng xử lý mà không chủ động thực hiện ngay các biện pháp ứng phó để hạn chế thiệt hại, đồng thời không báo cáo kịp thời đến cơ quan, người có thẩm quyền;

g) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho cán bộ, công nhân và người lao động về diễn biến thiên tai, trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng, khu vực lân cận có nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn trong khu vực;

h) Không tổ chức hướng dẫn, phổ biến, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công nhân, người lao động và cộng đồng trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng ứng phó tại chỗ, chủ động thực

hiện các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại;

i) Không lập và lưu trữ thông tin, dữ liệu về thiên tai và hồ sơ về quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng.

2. Hành vi không đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong đầu tư xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo tính ổn định của công trình trước thiên tai;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

### **Điều 16. Vi phạm về xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không gửi phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai hoặc hằng năm không rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai.

### **Điều 17. Vi phạm về đóng Quỹ phòng, chống thiên tai**

1. Phạt tiền đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai dưới 300.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 300.000 đồng đến dưới 500.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 500.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài khi thực hiện hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai của các cá nhân do mình quản lý cho cơ quan có thẩm quyền.

### 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 18. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng nội dung đã đăng ký.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động phòng, chống thiên tai không có giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký đã hết hạn.

## **Chương III**

### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI**

#### **Điều 19. Vi phạm gây cản trở dòng chảy của công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi trồng rau, cắm đống đó, chát chà và các hình thức đánh bắt khác gây cản trở

dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### **Điều 20. Vi phạm quy định về đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng dưới 0,5 m<sup>3</sup>;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 0,5 m<sup>3</sup> đến dưới 1 m<sup>3</sup>;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 01 m<sup>3</sup> đến dưới 03 m<sup>3</sup>;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 03 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;

đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 21. Vi phạm quy định về vận hành công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành công trình

thủy lợi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 của Nghị định này;

b) Không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi theo quy định, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi nhỏ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi vừa theo quy định;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi lớn hoặc quan trọng đặc biệt theo quy định.

### **Điều 22. Vi phạm quy định trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nhỏ.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi vừa đã được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi lớn đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt đã được phê duyệt.

### **Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi**

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi sai mục đích sử dụng.

### **Điều 24. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các

hành vi sau:

a)<sup>11</sup> Làm lều, quán; các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Đào, cuốc, xới, đánh vàng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kênh, mái đập đất.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng lò gạch, lò vôi, công trình phụ, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Nuôi trồng thủy sản không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Phá dỡ, xê dịch mốc chỉ giới, biển báo của công trình thủy lợi hoặc tự ý đầu nối kênh, đường ống dẫn nước;

d) Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

đ) Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

e) Neo, đậu tàu, thuyền vào công trình thủy lợi khi có biển cấm;

g) Sử dụng phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi:

a) Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định;

b) Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định;

c) Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai

---

<sup>11</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công;

- d) Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định;
- đ) Không thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi;
- e) Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt;

g) Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm hoặc không thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

4.<sup>12</sup> Phạt tiền đối với hành vi mở rộng quy mô công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình dưới 05 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài dưới 10 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 20 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 20 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 40 m đến dưới 60 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 60 m đến dưới 80 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 50 m<sup>2</sup> trở lên hoặc tăng chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình dạng tuyến, tường.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi kết cấu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

---

<sup>12</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng công trình ngầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Khoan, đào khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình, khai thác nước dưới đất không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Khai thác nước trái phép từ công trình thủy lợi;

đ) Khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhưng không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tự ý dỡ bỏ hoặc lấp công trình thủy lợi;

b)<sup>13</sup> (*được bãi bỏ*)

c) Ngăn, lấp, đào, nạo vét, hút bùn, cát, sỏi trên sông, kênh, mương, rạch, hồ, ao trái phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Lập bến bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7a.<sup>14</sup> Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà ở, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự trừ công trình quy định tại khoản 7b Điều này như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích dưới 10 m<sup>2</sup>;

---

<sup>13</sup> Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>14</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 20 m<sup>2</sup>;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 20 m<sup>2</sup> đến dưới 40 m<sup>2</sup>;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 40 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup>;

đ) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên.

7b.<sup>15</sup> Phạt tiền đối với hành vi xây dựng cầu không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu tạm dân sinh;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài dưới 05 m;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 05 m đến dưới 07 m;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 07 m đến dưới 10 m;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 10 m đến dưới 15 m;

e) Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 15 m đến dưới 20 m;

g) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 20 m trở lên.

8. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

---

<sup>15</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

8a.<sup>16</sup> Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này.

9.<sup>17</sup> Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; các điểm a, b, c, d, đ khoản 2; khoản 4; khoản 5; các điểm a, b, c khoản 6; khoản 7; khoản 7a; khoản 7b; khoản 8 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ khoản 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều này.

### **Điều 25. Vi phạm quy định về sử dụng phương tiện giao thông đi trên công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong công trình thủy lợi khi có biển cấm, trừ các loại xe, phương tiện ưu tiên theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu làm hư hỏng công trình đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

### **Điều 26. Vi phạm quy định của giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi hoạt

---

<sup>16</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>17</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

- a) Trồng cây lâu năm;
- b) Nuôi trồng thủy sản;
- c) Nghiên cứu khoa học;
- d) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

- a)<sup>18</sup> Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;
- b) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;
- c) Xây dựng công trình ngầm;
- d) Hoạt động du lịch, thể thao, kinh doanh, dịch vụ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau:

- a) Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- b) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

4.<sup>19</sup> Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5.<sup>20</sup> Biện pháp khắc phục hậu quả:

---

<sup>18</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>19</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>20</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2; khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

**Chương IV**  
**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT,**  
**MỨC XỬ PHẠT VÀ THI HÀNH BIỆN PHÁP KHẮC**  
**PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC ĐÊ ĐIỀU**

**Điều 27. Hành vi vi phạm phá hoại đê điều**

1. Phạt tiền đối với hành vi phá hoại cây chắn sóng bảo vệ đê như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với số lượng dưới 05 cây;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với số lượng từ 05 cây đến dưới 10 cây;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với số lượng từ 10 cây đến dưới 30 cây;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với số lượng từ 30 cây đến dưới 50 cây;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với số lượng từ 50 cây đến dưới 100 cây;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với số lượng từ 100 cây trở lên.

2. Phạt tiền đối với các hành vi cuốc, xới, rẫy cỏ, gieo trồng các loại cây hằng năm, cây lâu năm trên đê, trồng cây lâu năm trong hành lang bảo vệ đê như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với diện tích dưới 01 m<sup>2</sup> hoặc dưới 03 cây lâu năm;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích từ 01 m<sup>2</sup> đến dưới 05 m<sup>2</sup> hoặc từ 03 cây đến dưới 10 cây lâu năm;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup> hoặc từ 10 cây đến dưới 30 cây lâu năm;

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup> hoặc từ 30 cây đến dưới 50 cây lâu năm;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m<sup>2</sup> đến dưới 100 m<sup>2</sup> hoặc từ 50 cây đến dưới 100 cây lâu năm;

e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến dưới 400 m<sup>2</sup> hoặc từ 100 cây đến dưới 200 cây lâu năm;

g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 400 m<sup>2</sup> trở lên hoặc từ 200 cây lâu năm trở lên.

3.<sup>21</sup> Phạt tiền đối với hành vi làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chiếm dụng, sử dụng, di chuyển công trình phụ trợ đê điều sai quy định như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng sai quy định công trình phụ trợ đê điều;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển sai quy định hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối hành vi đào ao, đào giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều.

5. Phạt tiền đối với hành vi đào, bạt, xẻ mặt đê, mái đê, cơ đê và chân đê như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 0,3 m<sup>3</sup>;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 0,3 m<sup>3</sup> đến dưới 01 m<sup>3</sup>;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m<sup>3</sup> đến dưới 02 m<sup>3</sup>;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m<sup>3</sup> đến dưới 03 m<sup>3</sup>;

---

<sup>21</sup> Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;

g) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 15m<sup>3</sup>;

h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 15 m<sup>3</sup> trở lên.

6.<sup>22</sup> Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m<sup>3</sup>;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m<sup>3</sup> đến dưới 03 m<sup>3</sup>;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>.

đ) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 20 m<sup>3</sup>;

e) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m<sup>3</sup> trở lên.

7. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng công qua đê, gây cản trở vận hành công qua đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận phụ trợ của công gồm bảng, biển báo; cột thủy chí; thiết bị quan trắc;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng các bộ phận của công nhưng chưa làm ảnh hưởng trực tiếp đến vận hành, ổn

---

<sup>22</sup> Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

định của công như hàng rào, cổng, cửa, lan can bảo vệ;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng nhà bảo vệ máy móc; nhà quản lý công; cầu công tác; phai, bộ phận thả phai và hành vi cản trở vận hành công theo quy chuẩn kỹ thuật;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận ảnh hưởng trực tiếp vận hành của công bao gồm cửa van, máy đóng mở, dàn van, hệ thống điện và các bộ phận khác;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận ảnh hưởng trực tiếp ổn định của công bao gồm thân công, trụ pin, tường cánh, bể tiêu năng, sân tiêu năng, khớp nối và các bộ phận khác.

8. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng kè bảo vệ đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận phụ trợ của kè như bảng, biển báo; cột thủy chí; thiết bị quan trắc;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích dưới  $01 \text{ m}^2$ ; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng dưới  $01 \text{ m}^3$ ; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng dưới  $0,3 \text{ m}^3$ ;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ  $01 \text{ m}^2$  đến dưới  $03 \text{ m}^2$ ; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ  $01 \text{ m}^3$  đến dưới  $03 \text{ m}^3$ ; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ  $0,3 \text{ m}^3$  đến dưới  $01 \text{ m}^3$ ;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ  $03 \text{ m}^2$  đến dưới  $10 \text{ m}^2$ ; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ  $03 \text{ m}^3$  đến dưới  $05 \text{ m}^3$ ; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ  $01 \text{ m}^3$  đến dưới  $02 \text{ m}^3$ ;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ  $10 \text{ m}^2$  trở lên; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ  $05 \text{ m}^3$  trở lên; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ  $02 \text{ m}^3$  trở lên.

9.<sup>23</sup> Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây nổ làm nguy hại đến thân đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình

---

<sup>23</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

sự, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Luật Đê điều quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trồng lại cây chắn sóng đã phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 9 Điều này.

d)<sup>24</sup> Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này.

**Điều 28. Vi phạm vận hành trái quy định công trình đê điều**

1.<sup>25</sup> Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình phân lũ, làm chậm lũ trong phạm vi bảo vệ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình công qua đê, công trình tràn sự cố, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định

<sup>24</sup> Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>25</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

tại khoản 1 Điều này.

3.<sup>26</sup> Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 29. Vi phạm về đổ chất thải, để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông**

1. Phạt tiền đối với hành vi đổ chất thải trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m<sup>3</sup>;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m<sup>3</sup> đến dưới 03 m<sup>3</sup>;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 20 m<sup>3</sup>;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m<sup>3</sup> đến dưới 30 m<sup>3</sup>;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m<sup>3</sup> đến dưới 50 m<sup>3</sup>;

g) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m<sup>3</sup> đến dưới 100 m<sup>3</sup>;

h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m<sup>3</sup> trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều như sau:

---

<sup>26</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

- a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m<sup>3</sup>;
- b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;
- c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;
- d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 15 m<sup>3</sup>;
- đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 15 m<sup>3</sup> đến dưới 30 m<sup>3</sup>;
- e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m<sup>3</sup> đến dưới 50 m<sup>3</sup>;
- g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m<sup>3</sup> đến dưới 100 m<sup>3</sup>;
- h) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m<sup>3</sup> trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu ở lòng sông, bãi sông và các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ nhưng không có biện pháp xử lý, khắc phục như sau:

- a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 02 m<sup>3</sup>;
- b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;
- c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;
- d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 30 m<sup>3</sup>;
- đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m<sup>3</sup> đến dưới 100 m<sup>3</sup>;
- e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m<sup>3</sup> đến dưới 300 m<sup>3</sup>;
- g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 300 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>;

h) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 500 m<sup>3</sup> trở lên.

#### 4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu<sup>27</sup> phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

#### 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

### **Điều 30. Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ và sử dụng đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão**

1. Phạt tiền đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển sai quy định đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão như sau:

- a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 0,5 m<sup>3</sup>;
- b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 0,5 m<sup>3</sup> đến dưới 02 m<sup>3</sup>;
- c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m<sup>3</sup> đến dưới 05 m<sup>3</sup>;
- d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m<sup>3</sup> đến dưới 10 m<sup>3</sup>;
- đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m<sup>3</sup> đến dưới 20 m<sup>3</sup>;
- e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m<sup>3</sup> đến dưới 30 m<sup>3</sup>;
- g) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m<sup>3</sup> trở lên.

#### 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đối với hành vi vi phạm

---

<sup>27</sup> Cụm từ “tịch thu,” được bãi bỏ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 31. Vi phạm quy định về sử dụng xe đi trên đê**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, xe chữa cháy.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới đi trên đê không đúng quy định trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới đi trên đê không có giấy phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu làm hư hỏng đê điều đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

### **Điều 32. Xây dựng nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không gồm bãi nổi hoặc cù lao**

1.<sup>28</sup> Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không bao gồm bãi nổi hoặc cù lao, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích dưới 02 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài dưới 02 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 02 m<sup>2</sup> đến dưới 05 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 02 m đến dưới 05 m đối với công

<sup>28</sup> Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

trình theo tuyến, dạng tường;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 05 m đến dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 30 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m<sup>2</sup> đến dưới 80 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 30 m đến dưới 50 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

g) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 80 m<sup>2</sup> trở lên; hoặc có chiều dài từ 50 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

## 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 33. Vi phạm quy định tại Điều 26 Luật Đô thị về xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng**

1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng không có giấy phép như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 05 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 40 m đến dưới 50 m đối với công trình

theo tuyến, dạng tường;

đ) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m<sup>2</sup> đến dưới 100 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 50 m đến dưới 80 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m<sup>2</sup> trở lên; hoặc có chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng không đúng quy định trong giấy phép như sau:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 05 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 40 m đến dưới 60 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m<sup>2</sup> đến dưới 100 m<sup>2</sup>; hoặc có chiều dài từ 60 m đến dưới 80 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m<sup>2</sup> trở lên hoặc có chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 34. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Luật Đô thị về mở rộng diện tích mặt bằng xây dựng khi sửa chữa cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đô thị và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mở

rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích dưới 05 m<sup>2</sup> khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup> khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup> khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup> khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

### **Điều 35. Vi phạm quy định trong giấy phép, văn bản chấp thuận cho các hoạt động liên quan đến đê điều**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu phương tiện, tàu, thuyền, bè, mảng không đúng quy định trong giấy phép hoặc không có giấy phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong giấy phép quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 25 và văn bản chấp thuận quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều mà không có giấy phép; thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2,

Điều 28 Luật Đê điều mà không có văn bản chấp thuận.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 36. Vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều**

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quyết định của người có thẩm quyền trong việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Chương V**

**THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH,  
THI HÀNH BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 37. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều được lập theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.<sup>29</sup> Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 38 đến Điều 46 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

---

<sup>29</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

b) Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

c) Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

d) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

đ) Đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

### **Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1.<sup>30</sup> Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2.<sup>31</sup> (*được bãi bỏ*)

---

<sup>30</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>31</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

**Điều 38a. Thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều và một số chức danh khác<sup>32</sup>**

1. Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

---

<sup>32</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; Chánh Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

**Điều 39.<sup>33</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư<sup>34</sup>**

1. Kiểm ngư viên có quyền:

a) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

---

<sup>33</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>34</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

#### **Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân<sup>35</sup>**

1. Chiến sĩ công an nhân dân có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều.

2. Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

---

<sup>35</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 150.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 60.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

#### **Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng<sup>36</sup>**

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 12.500.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

---

<sup>36</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 37.500.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 150.000.000 đồng

đối với lĩnh vực thủy lợi; 60.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

### **Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển<sup>37</sup>**

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

---

<sup>37</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

5. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

6. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

#### **Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam<sup>38</sup>**

1. Thanh tra viên Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam thành lập có quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

3. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

4. Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

#### **Điều 45.<sup>39</sup> (được bãi bỏ)**

#### **Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy<sup>40</sup>**

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy có quyền phạt tiền đến 12.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy có quyền phạt tiền đến

<sup>38</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>39</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>40</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

#### **Điều 47. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính<sup>41</sup>**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều và một số chức danh khác có thẩm quyền xử phạt đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 38a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Kiểm ngư có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 40 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trên vùng biển được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 41 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

5. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 42 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại khu vực biên giới.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.

7. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2

---

<sup>41</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 44 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

#### **Điều 48. Thi hành một số biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 3 Điều 17 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp quỹ cho cơ quan có thẩm quyền thu Quỹ;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu Quỹ có trách nhiệm thu, quản lý tiền nộp Quỹ của tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định; thông báo kết quả việc thực hiện nộp Quỹ của tổ chức, cá nhân vi phạm cho người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Cá nhân, tổ chức vi phạm không thực hiện nộp Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc trồng lại cây chắn sóng đã bị chặt, phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy quy định tại điểm a khoản 11 Điều 27 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm trồng lại cây chắn sóng, cỏ phải đúng chủng loại, đủ số lượng đã bị chặt, phá hoại, cuốc, xới, rẫy; phải bảo vệ, chăm sóc tối thiểu 01 năm đảm bảo cây chắn sóng và cỏ còn sống, phát huy tác dụng bảo vệ đê; việc trồng, chăm sóc cây chắn sóng, cỏ thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức chuyên ngành;

b) Hạt Quản lý đê giám sát, hướng dẫn quá trình thực hiện và có biên bản xác nhận khi hoàn thành, báo cáo người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đã chiếm dụng, sử dụng trái phép quy định tại khoản 2 Điều 30 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm phải nộp lại đủ số lượng vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đã chiếm dụng, sử dụng trái phép; sắp xếp đúng hiện trạng ban đầu. Vật tư nộp lại phải đúng chủng loại, niên hạn sử dụng của vật tư đã chiếm dụng, sử dụng trái phép hoặc loại vật tư có cùng tính năng; có chỉ tiêu

kỹ thuật, niên hạn sử dụng và tổng giá trị không thấp hơn vật tư đã chiếm dụng, sử dụng trái phép;

b) Đơn vị được giao quản lý trực tiếp vật tư giám sát, hướng dẫn quá trình thực hiện và có biên bản xác nhận khi hoàn thành, báo cáo người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều quy định tại khoản 6 Điều 31 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm buộc phải sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều và chi trả kinh phí thực hiện giám định, kiểm định, đánh giá, khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát (nếu có). Việc sửa chữa, khắc phục phải thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức chuyên ngành, tối thiểu bằng với hiện trạng trước khi vi phạm;

b)<sup>42</sup> Trường hợp hành vi vi phạm làm công trình đê điều hư hỏng cần phải xử lý khẩn cấp để bảo đảm an toàn đê điều, đối tượng vi phạm phải thực hiện hoặc hoàn trả kinh phí thực hiện xử lý khẩn cấp theo phương án do cấp thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cấp xã phê duyệt phương án xử lý khẩn cấp trong trường hợp trên theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý;

c)<sup>43</sup> Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đôn đốc, giám sát, hướng dẫn trong quá trình thực hiện; có biên bản xác nhận khi hoàn thành gửi người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

#### **Điều 48a. Xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử<sup>44</sup>**

Việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

<sup>42</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>43</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

<sup>44</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>45</sup>**

#### **Điều 49. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều và Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.

#### **Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

---

<sup>45</sup> Điều 28, Điều 29 của Nghị định số 183/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 28. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đã xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng xử phạt theo quy định của Nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xử phạt theo quy định của Nghị định này.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật liên quan đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.”

**Điều 51. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: /VBHN-BNNMT

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng Bộ NN&MT (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, ĐD.

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**